

BẢNG HỎI VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ CÔNG BỐ QUỐC TẾ CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Xu hướng quốc tế hoá trong nghiên cứu khoa học đã trở thành một hướng phát triển tất yếu ở các nước đang phát triển trong những năm gần đây. Theo xu hướng đó, việc giảng viên các trường đại học cần nâng cao hoạt động nghiên cứu theo hướng tiếp cận quốc tế là điều cần thiết. Trong đó, việc nâng cao số lượng lẫn chất lượng của những công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí quốc tế, đặc biệt là các tạp chí được công nhận trên thế giới, ví dụ như các tạp chí nằm trong danh mục ISI Clavirate Web of Science hoặc Scopus nắm giữ vị trí quan trọng. Trong nghiên cứu cụ thể này, Nhóm nghiên cứu kì vọng quý thầy cô, quý nhà nghiên cứu sẽ trả lời các câu hỏi được đưa ra nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả công bố quốc tế của giảng viên đại học Việt Nam

Kết quả khảo sát chỉ nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học và đề xuất lời khuyên và lời nhận định hữu ích sát sao hơn cho các nhà Trường, nhà lập pháp về vấn đề phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên

Trân trọng cảm ơn!

A. Xin anh/chị cho biết một số thông tin cá nhân (*lựa chọn phương án phù hợp hoặc viết vào chỗ trống*)

Câu 1: Giới tính:

1. Nam 2. Nữ 3. Không muốn tiết lộ

Câu 2: Tuổi:

1. Dưới 25 2. Từ 26 đến 30
 3. Từ 31 đến 35 4. Từ 36 đến 40
 5. Từ 41 đến 45 6. Từ 46 đến 50
 7. Trên 51 tuổi

Câu 3: Học vị của anh/chị:

1. Cử nhân nhưng chưa học cao học
 2. Cử nhân và đang là học viên cao học
 3. Thạc sĩ nhưng chưa học nghiên cứu sinh
 4. Thạc sĩ và đang là nghiên cứu sinh
 5. Tiến sĩ hoặc Tiến sĩ khoa học

Câu 4: Chức danh khoa học của anh/chị:

1. PGS/GS 2. Không phải là PGS/GS

Câu 5: Loại hình trường của anh/chị:

1. Đại học quốc gia hoặc đại học vùng 2. Trường đại học tự chủ theo NQ 77
 3. Trường Đại học công lập khác 4. Đại học ngoài công lập

Câu 7: Kinh nghiệm nghề nghiệp:

(tính từ thời điểm ký hợp đồng đầu tiên với một cơ sở giáo dục đại học cho đến hiện tại):

1. Từ 15 năm trở lên 2. Từ 10 đến 15 năm
 3. Từ 5 đến 10 năm 4. Dưới 5 năm

Câu 8: Thời gian đào tạo hoặc nghiên cứu/thực tập ở nước ngoài:

1. Từ 2 năm trở lên 2. Dưới 2 năm 3. Chưa bao giờ

Câu 9: Tự đánh giá về trình độ tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác:

1. Giỏi 2. Khá 3. Trung bình 4. Kém

Câu 10: Tổng số bài viết/chương sách khoa học đã công bố với tư cách là tác giả/đồng tác giả trên các tạp chí/sách được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục:

Câu 11: Tổng số bài viết/chương sách khoa học đã công bố với tư cách là tác giả thứ nhất/tác giả liên hệ trên các tạp chí/sách được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục:

Câu 12: Số bài báo trên các tạp chí quốc tế được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục mà anh/chị đã tham gia làm phản biện (reviewer):

1. Chưa có bài nào 2. Từ 1 – 5 bài
 3. Từ 6 – 10 bài 4. Trên 10 bài

Câu 13: Số tạp chí quốc tế được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục mà anh/chị đã làm thành viên biên tập viên (editor/associate editor):

1. Chưa bao giờ 2. Từ 1 – 3 tạp chí 3. Trên 3 tạp chí

B. Nội dung bảng hỏi chính (khoanh tròn phương án phù hợp)

Câu 14: Đánh giá của anh/chị về tình trạng điều kiện/nguồn lực hỗ trợ công việc nghiên cứu của mình

(1= Hoàn toàn không đồng ý; 2= không đồng ý; 3=Phân vân; 4=Đồng ý; 5= Hoàn toàn đồng ý)

14.1. Tôi có thể dễ dàng truy cập vào nguồn tài liệu khoa học (sách, báo, luận văn...) 1 2 3 4 5

14.2. Tôi có thể dễ dàng truy cập vào nguồn dữ liệu đầu vào phục vụ nghiên cứu (vd. Dữ liệu của Tổng cục thống kê, của Bộ GD&ĐT...)	1	2	3	4	5
14.3. Tôi có khả năng xin tài trợ từ các nguồn/quỹ tài trợ nghiên cứu	1	2	3	4	5
14.4. Tôi có nhiều thời gian để tập trung cho nghiên cứu	1	2	3	4	5

Câu 15: Đánh giá của anh/chị về mức độ thành thạo các kỹ năng liên quan tới công bố nghiên cứu quốc tế của mình

(1= Hoàn toàn không đồng ý; 2= không đồng ý; 3=Phân vân; 4=Đồng ý; 5= Hoàn toàn đồng ý)

15.1. Tôi có thể dễ dàng tìm được chủ đề/ý tưởng nghiên cứu	1	2	3	4	5
15.2. Tôi có khả năng đọc hiểu bài học thuật tiếng Anh ở mức tốt	1	2	3	4	5
15.3. Tôi có khả năng viết bài học thuật bằng tiếng Anh một cách thành thạo	1	2	3	4	5
15.4. Tôi có khả năng phân tích dữ liệu thành thạo	1	2	3	4	5
15.5. Tôi có khả năng lựa chọn tạp chí phù hợp để công bố nghiên cứu của mình	1	2	3	4	5
15.6. Tôi có khả năng xác định các khung lý thuyết phù hợp với đề tài nghiên cứu của mình	1	2	3	4	5
15.7. Tôi có kinh nghiệm và kiến thức trả lời phản biện	1	2	3	4	5

Câu 16: Đánh giá của anh/chị về cơ hội hợp tác nghiên cứu và mối quan hệ với đồng nghiệp

(1= Hoàn toàn không đồng ý; 2= không đồng ý; 3=Phân vân; 4=Đồng ý; 5= Hoàn toàn đồng ý)

16.1. Tôi có nhiều cơ hội hợp tác với các đồng nghiệp trong nước	1	2	3	4	5
16.2. Tôi có nhiều cơ hội hợp tác với các đồng nghiệp quốc tế	1	2	3	4	5
16.3. Tôi nhận được sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn (nếu người trả lời bằng hỏi là nghiên cứu sinh/học viên cao học) hoặc Tôi nhận được sự hỗ trợ từ các nghiên cứu sinh/học viên cao học (nếu người trả lời bằng hỏi là TS/TSKH/PGS/GS)	1	2	3	4	5

Câu 17: Ý định công bố quốc tế trong tương lai của anh/chị

(1= Hoàn toàn không đồng ý; 2= không đồng ý; 3=Phân vân; 4=Đồng ý; 5= Hoàn toàn đồng ý)

17.1. Tôi sẽ cố gắng công bố bài báo quốc tế trong tương lai gần	1	2	3	4	5
17.2. Tôi có ý định sẽ công bố bài báo quốc tế trong tương lai gần	1	2	3	4	5

Chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của anh/chị

BÁO CÁO PHÂN TÍCH DỮ LIỆU KHẢO SÁT ĐIỆN RỘNG

1. Mẫu khảo sát và địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở lấy phiếu điều tra từ 700 giảng viên thuộc 11 trường đại học đại diện cho các vùng miền trên cả nước. Cụ thể:

- Khu vực miền Bắc: Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên, Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thủ đô.

- Khu vực miền Trung: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, Đại học Vinh

- Khu vực miền Nam: Đại học Sài Gòn, Đại học An Giang, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

Bảng 1: Số phiếu điều tra cụ thể theo từng trường

STT	Trường	Số lượng
1	Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	70
2	Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên	70
3	Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên	80
4	Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội	80
5	Đại học Thủ đô	60
7	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh	60
8	Đại học Vinh	60
9	Đại học Sài Gòn	60
10	Đại học An Giang	100
11	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.	60
Tổng		700

2. Phiếu điều tra và thu thập dữ liệu

Phiếu điều tra bao gồm hai phần: 12 câu hỏi thuộc phần thông tin chung nhằm khảo sát về độ tuổi, học vị, kinh nghiệm nghề nghiệp, số bài viết bài viết/chương sách khoa học đã công bố với tư cách là tác giả/đồng tác giả/phản biện trên các tạp chí/sách được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục; 04 câu hỏi thuộc phần khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ từ 1 – 5 điểm tương ứng với 5 lựa chọn Rất đồng ý; Đồng ý; Phân vân; Không Đồng ý; Rất không đồng ý nhằm đánh giá về tình trạng điều kiện/nguồn lực hỗ trợ công việc nghiên cứu của giảng viên; Đánh giá về mức độ thành thạo các kỹ năng liên quan tới công bố nghiên cứu quốc tế của giảng viên; Đánh giá về cơ hội hợp tác nghiên cứu và mối quan hệ với đồng nghiệp; Ý định công bố quốc tế trong tương lai của bản thân giảng viên.

Mỗi người tham gia đều được nhận một phiếu như nhau và trả lời tất cả các câu hỏi liên quan đến những câu hỏi định tính và những câu hỏi định lượng. Mỗi người sẽ nhận định, lựa chọn mức độ và điền vào phiếu điều tra. Chúng tôi sẽ tiến hành và tổng hợp phân tích số liệu dựa trên kết quả trả lời của giáo viên bằng phương pháp thống kê toán học.

Mục tiêu của phương pháp bằng bảng hỏi là nhằm thu thập số liệu về quan điểm, đánh giá của giảng viên về công bố quốc tế cũng như các yếu tố ảnh hưởng tới công bố quốc tế của giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học.

3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Đề tài sẽ sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, cùng với phương pháp thống kê SPSS để xử lý dữ liệu định lượng và phần mềm Nvivo để xử lý dữ liệu định tính. phân tích kết quả điều tra liên quan đến những khía cạnh khác nhau của vấn đề công bố khoa học quốc tế.

Bảng hỏi thu được mã hóa và nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS 20. Làm sạch dữ liệu: dùng lệnh frequency trong SPSS version 20 để lọc các giá trị nhập không hợp lệ ngoài các giá trị đã quy ước, đồng thời kiểm tra lại bảng hỏi gốc để điều chỉnh dữ liệu chính xác.

Sau khi có bộ dữ liệu đã làm sạch, tiến hành phân tích dữ liệu để thẩm định thang đo: Sử dụng phần mềm SPSS 20 để tính toán độ tin cậy và độ giá trị của dữ liệu thu thập được; xử lý số liệu khảo sát, lập các bảng số liệu (số liệu tổng quát, số liệu so sánh theo các biến số).

Đề tài sẽ sử dụng các phép thống kê như: phép thống kê mô tả, thống kê suy luận, phương pháp so sánh để phân tích số liệu.

4. Kết quả

4.1. Thống kê mô tả

Với thống kê tổng số bài viết/chương sách khoa học của giảng viên đã công bố với tư cách là tác giả/đồng tác giả trên các tạp chí/sách được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục cho thấy số lượng đã tăng lên đáng kể, đặc biệt số lượng từ 10 bài công bố trở lên có 42 giảng viên (chiếm 6%).

Bảng 2: Thống kê tổng số bài công bố quốc tế

Số lượng bài	Số giảng viên là tác giả/đồng tác giả	Tính theo %
0	261	37,3
1	109	15,6
2	64	9,1
3	87	12,4
4	46	6,6
5	40	5,7
6	14	2,0
7	13	1,9
8	12	1,7
9	12	1,7
10	3	0,4
11	22	3,1
12	2	0,3
14	1	0,1
15	7	1,0
20	2	0,3
22	1	0,1
25	2	0,3
37	1	0,1
59	1	0,1
Tổng	700	100,0

Với thống kê tổng số bài viết/chương sách khoa học của giảng viên đã công bố với tư

cách là tác giả thứ nhất/tác giả liên hệ trên các tạp chí/sách được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục cho thấy số lượng từ 10 bài công bố trở lên có 22 giảng viên (chiếm 3,1%).

Bảng 3: Thống kê lượng giảng viên là tác giả thứ nhất/tác giả liên hệ

Số lượng bài	Số giảng viên là tác giả thứ nhất/tác giả liên hệ	Tính theo %
0	513	73,3
1	78	11,1
2	10	1,4
3	12	1,7
4	15	2,1
5	26	3,7
6	12	1,7
9	12	1,7
10	4	0,6
12	1	0,1
14	14	2,0
18	2	0,3
48	1	0,1
Tổng	700	100,0

Với thống kê số bài báo trên các tạp chí quốc tế được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục mà giảng viên đã tham gia làm phản biện (reviewer) cho thấy số lượng từ 10 bài công bố trở lên rất ít, có 5 giảng viên (chiếm 0,7%).

Bảng 4: Thống kê lượng giảng viên là phản biện

Số lượng bài	Số giảng viên là phản biện	Tính theo %
Chưa có bài nào	560	80,0
Từ 1 – 5 bài	126	18,0
Từ 6 – 10 bài	9	1,3
Trên 10 bài	5	0,7
Tổng	700	100,0

Với thống kê số tạp chí quốc tế được Scopus/ISI (bao gồm SSCI, SCIE, ESCI, AHCI) chỉ mục mà giảng viên đã làm thành viên biên tập viên (editor/associate editor) cho thấy trong 700 giảng viên được khảo sát chỉ có 10 giảng viên có tham gia là biên tập viên (chiếm 1,4%).

Bảng 5: Thống kê lượng giảng viên là biên tập viên

Số lượng bài	Số giảng viên là biên tập viên	Tính theo %
Chưa bao giờ	690	98,6
Từ 1 – 3 tạp chí	9	1,3
Trên 3 tạp chí	1	0,1
Tổng	700	100,0

4.2. Kiểm định thang đo

Thực hiện kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha với bộ dữ liệu thu được, chúng tôi có các bảng kết quả đối với thang đo của từng nhân tố như sau:

Với các nhận định về tình trạng điều kiện/nguồn lực hỗ trợ công việc nghiên cứu của giảng viên (HTNC):

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (≥ 0.3). Hệ số Cronbach's Alpha = 0,840 ≥ 0.6 nên đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Bảng 6: Hệ số Cronbach's Alpha của nhóm biến quan sát HTNC

Cronbach's Alpha		Số biến quan sát
0,840		4

Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
HTNC1	0,727	0,775
HTNC2	0,786	0,749
HTNC3	0,575	0,840
HTNC4	0,622	0,822

Với các nhận định về về mức độ thành thạo các kỹ năng liên quan tới công bố nghiên cứu quốc tế của mình (MDTT):

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (≥ 0.3). Hệ số Cronbach's Alpha = 0,909 ≥ 0.6 nên đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Bảng 7: Hệ số Cronbach's Alpha của nhóm biến quan sát MDTT

Cronbach's Alpha		Số biến quan sát
0,909		7

Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
MDTT1	0,704	0,897
MDTT2	0,640	0,904
MDTT3	0,702	0,897
MDTT4	0,763	0,891
MDTT5	0,783	0,888
MDTT6	0,751	0,892
MDTT7	0,737	0,894

Với các nhận định về cơ hội hợp tác nghiên cứu và mối quan hệ với đồng nghiệp (CHHT):

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (≥ 0.3). Hệ số Cronbach's Alpha = 0,778 ≥ 0.6 nên đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Bảng 8: Hệ số Cronbach's Alpha của nhóm biến quan sát TrLc

Cronbach's Alpha		Số biến quan sát
0,778		3
Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
CHHT1	0,646	0,668
CHHT2	0,564	0,754
CHHT3	0,645	0,670

Với các nhận định về ý định công bố quốc tế trong tương lai (CB):

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (≥ 0.3). Hệ số Cronbach's Alpha = 0,978 ≥ 0.6 nên đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Bảng 9: Hệ số Cronbach's Alpha của nhóm biến quan sát CB

Cronbach's Alpha		Số biến quan sát
0,978		3
Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
CB1	0,956	0,966
CB2	0,961	0,962
CB3	0,942	0,976

Như vậy, sau kiểm định Cronbach's Alpha thu được bảng thống kê kết quả tổng hợp lần kiểm định cuối cùng của từng nhóm biến (bảng 10). Theo bảng 10 ta thấy hệ số tin cậy Cronbach's alpha của các nhân tố nằm trong khoảng từ 0,778 đến 0,978 thỏa mãn mức giá trị đạt yêu cầu về độ tin cậy (≥ 0.6) và hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Điều đó chứng tỏ các biến quan sát trong các nhân tố đều có tính nhất quán cao, thang đo của các nhân tố đủ độ tin cậy.

Bảng 10: Bảng tổng hợp Hệ số Cronbach's Alpha

STT	Nhân tố	Số biến quan sát lúc đầu	Cronbach's Alpha	Số biến quan sát còn lại
1	HTNC	4	0,840	4
2	MDTT	7	0,909	7
3	CHHT	3	0,778	3
4	CB	3	0,978	3